

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH Á CHÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH Á CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A CHAU GREEN TECHNOLOGY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108707732

3. Ngày thành lập: 19/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 21 tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn đồ bảo hộ lao động; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669(Chính)
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
5.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
6.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết : tư vấn đầu tư	7020
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Bốc xếp hàng hóa	5224
10.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Điều hành tua du lịch	7912

13.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
14.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
15.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy biến thế, tổ máy phát điện; Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng.	4659
19.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
20.	Khai thác gỗ	0220
21.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
22.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
23.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
24.	Khai thác thủy sản biển	0311
25.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
26.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
27.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, Logistics	5229
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông, cột tiêu, tường hộ lan, cột km, sơn vạch kẻ đường giao thông; sản xuất gạch lát bê tông	2395
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
56.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4511
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Trừ hoạt động đấu giá	4512
58.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4513
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
61.	Bán mô tô, xe máy	4541
62.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
64.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây; bán buôn động vật sống; bán buôn thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
65.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm	7810
66.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
67.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu công trình xây dựng	7110
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
71.	Quảng cáo	7310
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, họp báo	8230
74.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ; dạy lái xe cho người không hành nghề lái xe.	8559
75.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
76.	Khai thác quặng sắt	0710
77.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
78.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
79.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
80.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện; điện gió; điện mặt trời;	3511
81.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
82.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
83.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
84.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn than đá và nguyên liệu rắn khác	4661
85.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ bán buôn vàng miếng	4662
86.	Bán buôn tổng hợp Trừ hoạt động đấu giá tài sản và trừ các loại hàng hóa nhà nước cấm	4690
87.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ DUY KHÁNH	Số 100 ngõ 42 phố Triều Khúc,, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	012983915	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
2	HÀ VĂN HIỆP	Đại Khang, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	033081001047	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
3	NGÔ THỊ KIM HOA	P104 - D12 TT Nam Đồng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	011049555	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
4	ĐỖ NAM THẮNG	Số 5, ngõ 3 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	001072014607	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
5	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Tổ 1, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	001075015419	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ NAM THẮNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/06/1972*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001072014607*

Ngày cấp: *01/11/2017*

Nơi cấp: *Cục trưởng cục cảnh sát về ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5, ngõ 3 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5, ngõ 3 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: **NGÔ THỊ KIM HOA**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Thành viên Hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *23/04/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011049555*

Ngày cấp: *27/12/2010*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P104 - D12 TT Nam Đồng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P104 - D12 TT Nam Đồng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*